

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày 07 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2024/TLST-DS ngày 28/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 26/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐ-HPT, ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72 – 74 N, phường V, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TANIGUCHI N – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Việt N – Phó Bộ phận quản lý công nợ (văn bản ủy quyền số 17/2023/UQ-JIVF ngày 19/9/2023 của Tổng giám đốc JIVF).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành T – Nhân viên Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J (theo giấy ủy quyền số 366/2024/UQ-JIVF-LM ngày 19/3/2024).

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72 – 74 N, phường V, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Khu phố 9, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J (sau đây gọi tắt là Công ty J) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được Ngân hàng nhà nước cấp phép hoạt động tại Giấy phép số 80/GP-NHNN ngày 25/7/2018.

Ngày 01/6/2023, Công ty J với bà Lê Thị S có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 930360004195742000, bà S vay tiền nhằm mục đích chi phí sửa chữa nhà ở. Số tiền vay 30.000.000 đồng, thời hạn cho vay 24 tháng; lãi suất thỏa thuận theo tháng (dư nợ giảm dần) 3,8700%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, kỳ hạn trả nợ: theo tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng (gồm tiền gốc + lãi + phí) là 1.953.503 đồng. Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên ngày 30/6/2023, ngày đến hạn trả nợ kỳ cuối (dự kiến) 02/6/2025 là 1.633.365 đồng.

Từ ngày 30/6/2023 đến ngày 31/8/2023, bà S thanh toán được cho Công ty J số tiền là 3.933.586 đồng, trong đó nợ gốc là 1.811.013 đồng, nợ lãi là 2.098.573 đồng, phí quản lý khoản vay là 24.000 đồng. Từ sau ngày 31/8/2023 đến nay, bà S không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J mặc dù được nhắc nhở nhiều lần.

Việc bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ đã vi phạm Điều 3, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ngày 01/6/2023, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty J.

Căn cứ Điều 3, Điều 7, Điều 8, Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ngày 01/6/2023. Do bà S không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Bà Lê Thị S phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 07/8/2024 là 44.347.301 đồng (trong đó: nợ gốc: 28.188.987 đồng; lãi 13.378.939 đồng; lãi quá hạn: 2.623.375 đồng; phí quản lý khoản vay 156.000 đồng).

Nay đại diện theo ủy quyền lại của Công ty J, ông Nguyễn Thành T đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Bà Lê Thị S phải thanh toán cho Công ty J số tiền vay tính đến hết ngày 07/8/2024 là 44.347.301 đồng. Buộc bà S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 08/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ngày 01/6/2023.

Bị đơn Bà Lê Thị S: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà S nhưng bà S không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty J khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị S phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ngày 01/6/2023. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường P, thành phố P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà S nhưng bà S không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, bà S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty J đối với bà Lê Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ngày 01/6/2023, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, bản các điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của Công ty J, giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA, số tham chiếu chuyển tiền 140A23601Y16R205 ngày 02/6/2023 của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 01/6/2023, giữa Công ty J và bà Lê Thị S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000, số tiền vay là 30.000.000 đồng, Công ty J đã giải ngân và bà S đã nhận đủ số tiền trên.

[2.2] Xét hợp đồng tín dụng thấy rằng: Chủ thể ký kết hợp đồng có năng lực pháp luật dân sự, hình thức, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận và được ký kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 930360004195742000 ký ngày 01/6/2023 đã ký kết giữa Công ty J và bà S là hợp pháp, có hiệu lực.

[2.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Công ty J, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 8 của Hợp đồng, vi phạm Hợp đồng mà các bên đã ký kết. Từ sau ngày 31/8/2023, đến nay bà S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty J nên từ sau ngày 31/8/2023, Công ty J chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như đã thỏa thuận và áp dụng các loại phí liên quan đến hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều 1, Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 9 Thông tư số 39/VBHN-NHNN ngày 29/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính đến ngày 07/8/2024, bà Lê Thị S còn nợ Công ty J số tiền 44.347.301 đồng (trong đó: nợ gốc: 28.188.987 đồng; lãi 13.378.939 đồng; lãi quá hạn: 2.623.375 đồng; phí quản lý khoản vay 156.000 đồng). Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận, bà S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty J các khoản tiền trên.

[2.4] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà S nhưng bà S không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty J xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà S đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J.

2. Buộc bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J số tiền tính đến ngày 07/8/2024 là 44.347.301 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm lẻ một đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 28.188.987 đồng, số tiền lãi là 13.378.939 đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.623.375 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (08/8/2024) bà Lê Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J.

3. Về án phí: Bà Lê Thị S phải chịu: 2.217.365 đồng (hai triệu hai trăm mười bảy nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế Việt Nam J số tiền 815.000 đồng (tám trăm mười lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001868 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2024). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệu